

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỚ

QUYỂN 4

Thứ mười: Riêng biệt giải thích về văn nghĩa: Nhưng kinh này, văn thì phong phú, nghĩa thì rộng lớn, xu thế thay đổi nhiều cách, hướng hồ một nghĩa-một văn bao gồm thâm nhiếp pháp giới. Vì vậy, Cổ đức trình bày về mười thể lệ để phân định rõ ràng, muốn hiển bày khó nghĩ bàn. Thể lệ thứ nhất gọi là Bộ loại thuộc về gốc-ngọn (Bốn Mạt Bộ Loại), chỉ hiển bày về Vô tận của kinh này, chứ không phải là phân tích về văn này. Trước đã trình bày đầy đủ, cho nên nay tóm lược phần ấy, thêm vào phần Trước sau nối liền với nhau (Tiền hậu câu tởa), cũng có mười phần Thể lệ: Một: Phân tích về ba phần của Bốn bộ; Hai: Phân tích về hỏi-đáp hệ thuộc với nhau; Ba: Phân tích về dùng văn thuận theo nghĩa; Bốn: Phân tích về trước sau thâm nhiếp trùng lặp; Năm: Phân tích về trước sau nối liền với nhau; Sáu: Phân tích về phần Trường hàng tùy theo phẩm; Bảy: Phân tích tùy theo Hội kinh ấy; Tám: Phân tích về phần vị lớn của gốc-ngọn; Chín: Phân tích về thu nhận tất cả gốc-ngọn; Mười: Phân tích về chủ-bạn vô tận.

Một: *Phân tích về ba phần của Bốn bộ:* Đó là phần Tựa, phần Chánh Tông và phần Lưu Thông. Phẩm đầu là phần Tựa, từ phẩm Hiện Tướng trở xuống là phần Chánh Tông, phần Lưu Thông có hoặc là không có. Xưa có bảy cách giải thích:

1) Luật sư Quang Thống, lấy phẩm Pháp Giới làm phần Lưu Thông, bởi vì tiến vào pháp giới rộng lớn vô biên.

2) Pháp sư Viên đời nhà Tùy, lấy phần Thiện Tài... về sau trong phẩm Pháp giới, thuộc về phần Lưu Thông, bởi vì dựa vào con người để hiển bày về pháp.

3) Pháp sư Dụ, lấy kệ sau phẩm Pháp Giới làm phần Lưu Thông, bởi vì ca ngợi về đức vô tận.

4) Có người nói: Hai tụng cuối cùng làm phần Lưu Thông, bởi vì

kết thúc thuyết giảng về vô tận, ca ngợi lợi ích khuyến khích tu tập.

5) Hoặc có người nói: Bởi vì kinh đưa ra chưa hết, cho nên không có phần Lưu Thông.

6) Hoặc có người nói: Dùng kinh quyển thuộc khác làm phần Lưu Thông của kinh này, bởi vì các kinh ấy là từ kinh này mà thuyết ra.

7) Hoặc có người nói: Kinh này chung quy là không có phần Lưu Thông, bởi vì pháp vô tận, thuyết giảng không có ngưng nghỉ, cho nên các Hội đều không có phần Lưu Thông, không giống như các Hội trong kinh Đại Bát Nhã đều có phần Lưu Thông.

Bảy cách giải thích trên đây đều là một lý, mà sáu cách giải thích trước đều có phần Lưu Thông, chỉ riêng cách giải thích thứ bảy không có phần Lưu Thông. Nếu dùng nghĩa để hiểu thì nên làm thành bốn câu phân biệt: 1. Có phần Tựa-Chánh Tông mà không có phần Lưu Thông, như cách giải thích thứ bảy. 2. Chỉ có phần Chánh Tông mà không có hai phần còn lại, bởi vì từ đầu đến cuối, đều hiển bày về sâu xa vi tế và hiểu rõ về các pháp, phần đầu tuy nêu ra Chứng hội mà ca ngợi công đức của Phật, phần sau tuy dựa vào con người mà có tướng của tu tập. 3. Có đủ ba phần. 4. Điều không thể nói, bởi vì ngay nơi ngôn từ mà bắt dứt ngôn từ, dựa theo nghĩa bao hàm chứ không thể chọn lấy giới hạn.

Nay dựa vào đây đủ ba phần mà phân ra ba phần để phát triển, sự phân định khéo léo đầy đủ sâu xa phù hợp với Tây Vực, xưa nay cùng tuân theo mà dùng ba phần ấy.

Nói đến Thánh nhân thiết lập giáo pháp nhất định phải có từng bước, muốn thuyết ra ngôn ngữ tinh tế thì trước phải làm sáng tỏ, cho nên có được để làm phần Tựa. Nguyên do đã rõ ràng thì căn cơ thích hợp tiếp nhận giáo pháp, cho nên có được để làm phần Chánh Tông. Chánh Tông đã trình bày cốt phải đối với mở mang cứu giúp, không những chú trọng đối với Thời-Hội, mà còn khiến cho lưu truyền tốt đẹp đến cuối thời kỳ, ngọn đèn giáo pháp mãi mãi chiếu rọi rõ ràng là vô tận, cho nên có được để làm phần Lưu Thông. Không chỉ riêng một Bộ mà Hội ấy-Phẩm ấy..., đều có thể có điều ấy, cho nên dựa vào ba phần.

Tuy sáu cách giải thích đều bao gồm, mà nay dựa vào cách thứ hai, bởi vì nhờ vào con người tiến tu để nêu rõ chúng sinh có phần thuộc tướng Lưu Thông. Bởi vì Bồ-tát Từ Thị nói: “Nếu có tâm kính trọng ngưỡng mộ, thì cũng nên tu học như vậy.”

Cách giải thích thứ nhất, bởi vì làm cho trong phần Chánh Tông thiếu đi Chứng Nhập. Cách giải thích thứ ba, bởi vì chỉ thuộc về một tướng của Đồng tử Thiện Tài. Hai kệ cuối cùng, bởi vì chỉ kết luận về

công đức của Phật trong phần kệ, không phải nối thông một Bộ, cuối phẩm Thập Hạnh..., tương tự có kệ này. Kinh đưa ra chưa hết, chưa hẳn là ở phần sau. Các kinh quyển thuộc làm phần Lưu Thông, bởi vì chỉ dựa theo nghĩa. Vì vậy dựa vào cách giải thích của Viễn Công.

Hai: *Phân tích về hỏi-đáp hệ thuộc với nhau*: Xưa nói: Trong chín Hội này, hỏi đáp về phần vị lớn gồm có năm lượt:

1) Trong Hội thứ nhất, Đại chúng nêu lên 40 câu hỏi, hoặc ngay Hội ấy giải đáp tất cả, gọi là phần Nêu ra quả khuyến khích vui thích sinh tâm tin tưởng.

2) Từ đầu Hội thứ hai có 40 mươi câu hỏi, đến cuối Hội thứ bảy giải đáp tất cả, gọi là phần Tu nhân phù hợp với quả phát sinh hiểu biết. Phần giữa tuy có các câu hỏi, nhưng đều là tùy theo thuyết giảng mà thuận theo thưa hỏi, không phải là hỏi đáp về phần vị lớn, phẩm Bất Tư Nghị vốn không thưa hỏi về nhân.

3) Đầu Hội thứ tám nêu lên 200 câu hỏi, ngay Hội ấy giải đáp tất cả, gọi là phần Dựa vào pháp tiến tu mà thành tựu hạnh.

4) Đầu Hội thứ chín nêu lên 60 câu hỏi, Đức Như Lai tự mình nhập Tam-muội Sư Tử Tần Thân, hiện tướng để giải đáp, gọi là phần Nhanh chóng chứng được pháp giới.

5) Thiện Tài ở phía Đông của thành Phước cầu pháp..., riêng biệt thưa hỏi-riêng biệt giải đáp, gọi là phần Trái qua phần vị từng bước chứng được.

Cổ đức cho rằng Thiện Tài hãy còn thuộc về phần Chánh Tông, mà nay đã phân định đưa vào phần Lưu Thông, thì trước đây chỉ có bốn lượt, bao gồm chọn lấy phần Lưu Thông để làm thành năm phần, không trái với con đường chung.

Ba: *Phân tích về dùng văn thuận theo nghĩa*: Một bộ kinh này có năm vòng nhân quả, tức là năm phần.

1) Một vòng nhân quả trong Hội thứ nhất, nghĩa là trước hiển bày quả đức của Xá-na; sau là một phẩm Giá-na, trình bày về nhân vốn có ấy, gọi là nhân quả đã tin.

2) Từ Hội thứ hai đến phẩm Tùy Hảo trong Hội thứ bảy, gọi là nhân quả sai biệt, nghĩa là hai mươi sáu phẩm phân rõ về nhân, ba phẩm sau trình bày về quả, cũng gọi là nhân quả phát sinh hiểu biết.

3) Phẩm Phổ Hiền Hạnh phân rõ về nhân, phẩm Xuất Hiện trình bày về quả, tức là trình bày về nhân quả bình đẳng, vốn không phải hiển bày về sai biệt, cũng gọi là nhân quả xuất hiện.

4) Đầu Hội thứ tám trình bày về nhân của năm phần vị, sau là

trình bày về quả thuộc tám tướng, gọi là nhân quả xuất thế, cũng gọi là nhân quả thành tựu hạnh.

5) Trong Hội thứ chín, đầu là trình bày về Đại Dụng của quả Phật, sau là hiển bày về khởi Dụng tu nhân của Bồ-tát, gọi là nhân quả chứng nhập. Hai môn nhân quả cùng chứng nhập, cho nên đều phân ra nhân khác với quả cũng là mười.

Bốn: *Phân tích về trước sau thâm nhiếp trùng lặp:*

1) Một bộ phận hai: Chín Hội đầu là Hội gốc (Bổn), cũng là Hội của Phật, bởi vì Phật làm Hội chủ; từ Văn Thù đến phía Đông của thành Phước về sau, đều là Hội ngọn (Mạt), cũng là Hội của Bồ-tát, bởi vì các Thiện tri thức làm Hội chủ.

2) Ngay trong phần trước cũng có hai: Tám Hội đầu trình bày về Giải-Hạnh đã thành tựu, một Hội sau hiển bày về pháp giới đã chứng được.

3) Ngay trong phần trước lại có hai: Bảy Hội đầu trình bày về trải qua phần vị tu tập thành tựu hạnh, một Hội sau trình bày về hạnh viên dung rộng khắp tất cả.

4) Ngay trong phần trước lại có hai: Đầu là trình bày về nhân quả thuộc Tu sinh, sau từ phẩm Phổ Hiền trở xuống là hai phẩm trình bày về nhân quả thuộc Tu hiển.

5) Ngay trong phần trước lại có hai: Đầu là trình bày về nhân quả thuộc Tu sinh, sau là ba phẩm như phẩm Bát Tư Nghị Pháp... trình bày về quả thuộc Tu sinh.

6) Ngay trong phần trước lại có hai: Bốn phẩm đầu trình bày về hạnh thuộc nhân trong phần vị, sau từ phẩm Thập Định trở xuống là sáu phẩm trình bày về hạnh sau phần vị.

7) Ngay trong phần trước lại có hai: Đầu là trình bày về hạnh kê sát Địa tiền, sau là một Hội thứ sáu trình bày về hạnh chứng được Thập Địa.

8) Ngay trong phần trước cũng có hai: Đầu là trình bày về hạnh thuộc Thập Tín ở phần vị trước, sau từ Hội thứ ba trở đi là ba Hội trình bày về hạnh tiến vào phần vị Tam Hiền.

9) Ngay trong phần trước cũng có hai: Đầu là trình bày về pháp của quả Phật đã tin, sau từ phẩm Văn Minh trở xuống có ba phẩm trình bày về hạnh của Bồ-tát tự mình dựa vào-tự mình tin tưởng.

10) Ngay trong phần trước cũng có hai: Đầu là một Hội trình bày về quả thuộc Y báo của Phật, sau từ phẩm Danh Hiệu trở xuống có ba phẩm trình bày về quả thuộc Chánh báo của Phật.

Năm: *Phân tích về trước sau nối liền với nhau, cũng phân làm mười:*

1) Hội thứ nhất là nhân quả thuộc Y báo, trước là trình bày về quả thuộc Y báo, sau là phẩm Tỳ Lô Giá Na phân rõ về nhân.

2) Lại chọn lấy phẩm Tỳ Lô Giá Na, và ba phẩm đầu Hội thứ hai là nhân quả thuộc Chánh báo, trước là nhân-sau là quả.

3) Từ phẩm Danh Hiệu đến phẩm Bồ Tát Trú Xứ, gọi là nhân quả dựa vào nhau khởi lên, dựa vào vốn có (Bổn hữu) mà phát khởi tu tập, trước là quả-sau là nhân.

4) Từ phẩm Vấn Minh đến phẩm Tỳ Hỷ, trình bày về nhân quả sai biệt, trước là nhân-sau là quả.

5) Chọn lấy từ phẩm Bất Tư Nghị xuống đến phẩm Phổ Hiền Hạnh, là nhân quả viên dung, trước là quả-sau là nhân. Dùng phẩm Bất Tư Nghị... làm quả cho nhân trước đây, quả khác với nhân làm quả cho nhân sau này, thì tất cả thâm nhiếp dung thông. Nhưng có sáu nghĩa chứng minh thành tựu: Một: Trong phần phân tích về nhân quả nối liền với nhau, phần nhiều trước là quả-sau là nhân. Hai: Sau quyển thứ 48 không có chứng minh thành tựu, sau phẩm Phổ Hiền Hạnh có chứng minh thành tựu, vốn là kết luận thuộc về phần trước. Ba: Đầu phẩm Phổ Hiền không có phát khởi riêng biệt, thì vẫn tiếp theo trước đây nói, cho nên sơ lược nêu ra một phần cảnh giới của Như Lai. Bốn: Dùng nghĩa để trình bày, phẩm Bất Tư Nghị Pháp hiển bày về công đức của Phật khó nghĩ bàn, bởi vì tất cả đều viên dung. Năm: Trước đây tuy có thưa hỏi, nhưng đầu phẩm Bất Tư Nghị lại nghĩ đến thưa hỏi. Sáu: Đầu Hội thứ hai đã có ba nghiệp, vốn là quả sai biệt. Bởi vì sáu nghĩa này, cho nên phẩm Phổ Hiền Hạnh có thể thuộc về nhân trước đây.

6) Chọn lấy phẩm Phổ Hiền Hạnh và phẩm Xuất Hiện, làm nhân quả bình đẳng, trước là nhân-sau là quả.

7) Chọn lấy phẩm Xuất Hiện và phẩm Ly Thế Gian, làm nhân quả xuất hiện, trước là quả-sau là nhân. Thành Phật và Niết-bàn vốn cũng là nhân hiện tại, chứ không nói là thực sự thành tựu do lìa xa thế gian làm nhân mới có thể xuất hiện ở thế gian.

8) Phẩm Ly Thế Gian làm nhân quả thành tựu về hạnh, bao gồm phân rõ về hạnh, vốn đầy đủ nhân quả.

9) Chọn lấy phẩm Ly Thế Gian và phẩm Pháp Giới, làm nhân quả pháp giới, trước là nhân-sau là quả. Bởi vì Ly Thế Gian phù hợp với Pháp Giới, cho nên nhân không dựa vào phần vị, quả chỉ là chứng nhập.

10) Một phẩm Pháp Giới tự làm nhân quả chứng nhập, trước là quả-sau là nhân. Từ đoạn Thiện Tài trở xuống cũng là nhân quả vô tận, trước là nhân-sau là quả. Trải qua sự việc đến một sợi lông của Phổ Hiền thì nhân là vô tận, Phổ Hiền thuyết giảng về đức của Phật vượt quá hư không, mà quả vô tận lấy làm phần Lưu Thông, cho nên không trình bày.

Sáu: *Phân tích về phần Trường hàng tùy theo phẩm, phần Trường hàng có mười:*

- 1) Bao gồm phân rõ về phần Nhân duyên phát khởi của giáo.
- 2) Từ phẩm Hiện Tướng trở xuống trình bày về phần Đại Dụng vô biên của quả Phật.
- 3) Phẩm Tỳ Lô Giá Na nêu ra phần Chứng minh thành tựu về nhân xưa kia.
- 4) Từ phẩm Danh Hiệu trở xuống có ba phẩm, trình bày về phần Đại Dụng ứng với căn cơ rộng khắp.
- 5) Từ phẩm Vấn Minh trở xuống đến cuối phẩm Thập Địa, trình bày về phần Các phân vị sai biệt khiến cho tu tập.
- 6) Từ phẩm Thập Định trở xuống đến cuối phẩm Tùy Hảo, trình bày về phần Nhân tròn vẹn-quả đầy đủ sai biệt.
- 7) Từ phẩm Phổ Hiền Hạnh trở xuống có hai phẩm, trình bày về phần Nhân thực hành rộng khắp thành tựu quả hiện tại.
- 8) Phẩm Ly Thế Gian trình bày về phần Nhân quả siêu tuyệt thế gian.
- 9) Phần trước trong phẩm Pháp Giới, trình bày về phần Đại chúng nhanh chóng chứng được pháp giới.
- 10) Từ “Nhĩ thời Văn Thù...” trở xuống, trình bày về phần Một người trải qua phân vị từng bước chứng được.

Bảy: *Phân tích tùy theo Hội kinh ấy, cũng là mười phân:*

- 1) Hội thứ nhất gọi là phần Nêu ra quả khiến cho tin tưởng.
- 2) Hội thứ hai trình bày về phần Có thể tin tưởng thành tựu về đức.
- 3) Hội thứ ba là phần Sơ Hiền thuộc Thập Trú.
- 4) Hội thứ tư là phần Trung Hiền thuộc Thập Hạnh.
- 5) Hội thứ năm là phần Thượng Hiền thuộc Thập Hưởng.
- 6) Hội thứ sáu là phần Thánh vị thuộc Thập Địa.
- 7) Hội thứ bảy là phần Nhân tròn vẹn-quả đầy đủ.
- 8) Hội thứ tám là phần Đại Hạnh của Phổ Hiền.
- 9) Đầu Hội thứ chín là phần Hạnh thành tựu chứng nhập.

10) Từ “Thiện Tài...” xuống là phần Thiện hữu chỉ dạy chứng nhập.

Tám: *Phân tích về phần vị lớn của gốc-ngọn*: Hội gốc là chín, Hội ngọn có năm mươi lăm, tổng cộng là sáu mươi bốn phần.

Chín: *Phân tích về thu nhận tất cả gốc-ngọn*: Chín Hội trước là chín phần. Văn Thù thuyết pháp cho sáu ngàn Tỳ-kheo là phần thứ mười, và Thiện Tài trải qua một trăm mười vị Thiện tri thức, tổng cộng là một trăm hai mươi phần. Nếu tách ra các Rồng và chúng hội Tam thừa, cùng với ba vị sau là Di Lặc-Văn Thù-Phổ Hiền, thì trở thành một trăm hai mươi lăm. Bởi vì Từ Thị nói: “Vị Trưởng giả này trải qua một trăm mười vị Thiện tri thức rồi, sau đó lại đến nơi trú xứ của Ta.” Bởi vì từ Di Lặc về trước đã có một trăm mười vị, và số Thiện hữu như số vi trần trong Tam thiên Đại thiên thế giới, thì phần ấy kể ra càng nhiều. Nếu hợp lại làm một thì có một trăm hai mươi sáu phần.

Mười: *Phân tích về chủ-bạn vô tận*: Mỗi một Hội, mỗi một Phẩm, mỗi một Pháp đều kết hợp nối thông với mười phương. Như ở đây thuyết giảng, tất cả thế giới trong pháp giới hư không mười phương, cho đến trong tất cả các trần đều thuyết giảng như vậy. Đây là kết luận về Kinh Chủ. Lại mỗi một Hội... ấy, đều có trần số Bồ-tát ở phương khác đến chứng minh về pháp. Đây là kết luận về Bạn. Tức là chủ-bạn cùng nhau khắp nơi pháp giới, trùng điệp vô tận, vậy thì số đoạn cũng vô tận vô tận.

Mười thể lệ trên đây đều hiển bày về một lý, nhưng cũng là vô tận. Nếu dựa vào thể lệ thường dùng thì nên dựa vào ba phần, đó là phẩm thứ nhất làm phần Tựa, từ phẩm Hiện Tướng trở xuống là phần Chánh Tông, trong phẩm Pháp Giới từ “Nhĩ thời Văn Thù Sư Lợi tụng Thiện Trú lâu các xuất...” trở xuống là trình bày về phần Lưu Thông.

Trong phần Tựa dựa vào văn phân hai: Một: Tựa về cõi này; Hai: Tựa về kết hợp nối thông với vô tận thế giới khắp mười phương.

Trong phần một lại có hai: Đầu là Tựa về Chứng Tín; Sau từ “Nhĩ thời Như Lai đạo tràng...” trở xuống là Tựa về Phát Khởi. Nhưng hai Tựa này mở rộng như thường giải thích, nay chỉ sơ lược trình bày.

Đầu là Tựa về Chứng Tín: Nếu bắt đầu về nguyên do, thì A-nan thưa hỏi, Như Lai dạy cách thiết lập, như luận Trí Độ và kinh Đại Bi giải thích. Nếu khảo sát tỉ mỉ về nguyên cơ ấy thì ý có sáu:

1) Bởi vì khác với ngoại đạo, đầu kinh của ngoại đạo đều thiết lập chữ A Ưu, bởi vì cho là tốt lành, kinh này dựa theo Như Thị.

2) Bởi vì chấm dứt tranh luận, luận Trí Độ nói: “Nếu không suy ra

nghe từ Phật mà nói tự mình chế tác, thì tranh luận nổi lên, vì vậy nay bỏ Ngã mà thuận theo nghe. Nghe từ Phật thuyết ra, cho nên kinh lưu truyền trải qua bao đời mà quy phạm tuyệt vời không bỏ.” Đây là giới hạn trong Ngã Văn.

3) Bởi vì lìa xa lỗi lầm tăng giảm, luận Phật Địa nói: “Nên biết rằng nói Như Thị Ngã Văn này, ý tránh lỗi lầm phân biệt khác nhau về tăng giảm, nghĩa là pháp như vậy chính tôi nghe từ Đức Phật, văn nghĩa quyết định chứ không phải là nghe đồn có sai lạc về tăng giảm.”

4) Bởi vì đoạn trừ mọi nghi ngờ, Chân Luận dẫn Luật nói rằng: “Lúc kết tập giáo pháp, A-nan bước lên chỗ ngồi thân tướng thay đổi như Đức Phật, Đại chúng khởi lên ba nghi ngờ: Một: Nghi ngờ Đại Sư Niết-bàn mà xuất hiện trở lại; Hai: Nghi ngờ Phật ở phương khác đến; Ba: Nghi ngờ A-nan chuyển thân thành Phật. Nói Như Thị Ngã Văn này thì ba nghi ngờ lập tức đoạn trừ, đã nói Ngã Văn thì không phải Đức Phật là rõ ràng rồi.” Hai nghĩa trên đều dựa theo Tín-Văn.

5) Bởi vì phát sinh niềm tin, Trí Luận nói: “Thuyết về thời gian nơi chốn-con người khiến cho phát sinh niềm tin.” Đây là giới hạn trong bốn ý sau.

6) Bởi vì thuận theo giống như ba đời chư Phật. Đây là bao gồm sáu loại.

Nếu dựa theo luận Phật Địa thì phân tích làm năm sự: 1. Tổng quát hiển bày về đã nghe; 2. Thời gian phát khởi của giáo pháp; 3. Riêng biệt hiển bày về Giáo chủ; 4. Làm sáng tỏ về nơi chốn phát khởi của giáo pháp; 5. Hiển bày về căn cơ đã che phủ.

Nay dựa vào Trí Luận tách ra sự thứ nhất tổng quát hiển bày về chỗ đã nghe, đưa ra hai loại Tín-Văn làm thành sáu thành tựu: 1. Tín; 2. Văn; 3. Thời; 4. Chủ; 5. Xứ; 6. Chúng. Nhưng hai sự về Tín-Văn, thì văn giới hạn ở đầu Hội thứ nhất, nghĩa nói thông chín Hội. Hai loại Thời-Chủ thì văn-nghĩa đều nói thông. Hai sự về Xứ-Chúng thì văn-nghĩa đều giới hạn. Tùy theo Tướng thì như vậy, dựa theo Thật thì dung hòa lẫn nhau.

Trên đây sơ lược dựa vào ba phần-hai tựa. Nhưng Thể của kinh này, xu thế ít khác nhau, cho nên dựa vào năm phần để giải thích văn, mà hợp hai phần sau gọi là Chứng nhập dựa vào con người. Nay làm thành bốn phần: Một: Phần nêu ra quả khuyến khích vui thích sinh tâm tin tưởng; Hai: Phần tu nhân phù hợp với quả phát sinh hiểu biết; Ba: Phần dựa vào pháp tiến tu mà thành tựu hạnh; Bốn: Phần dựa vào người chứng nhập mà thành tựu về đức.

Ngay trong phần một là Nêu ra quả, hoặc phân ra làm mười: 1. Phần Nhân duyên phát khởi giáo pháp, tức là một phẩm đầu. 2. Phần Đại chúng cùng nhau thừa thỉnh. 3. Phần Khuôn mặt tỏa sáng quy tụ chúng. 4. Phần Long trắng tỏa sáng nêu rõ pháp. 5. Phần Giữa chặng mây xuất hiện Đại chúng. Bốn phần trên đây ở trong phẩm thứ hai. 6. Phần Tam-muội của Phổ Hiền. 7. Phần chư Phật cùng nhau gia hộ. 8. Phần Pháp chủ xuất Định. 9. Phần Đại chúng trở lại thừa thỉnh. Ba phần trên đây ở trong phẩm thứ ba. 10. Phần Chính thức nói rõ về Pháp hải. Phần này ở trong ba phẩm sau.

Nếu dùng nghĩa thuận theo văn thì tạm thời phân làm ba: Một: Phần Nhân duyên phát khởi giáo pháp. Hai: Từ phẩm Hiện Tướng trở xuống là phần Nghi thức thuyết pháp. Ba: Từ phẩm Thế Giới Thành Tựu trở xuống là phần Chính thức nói rõ về pháp đã thuyết giảng.

Ngay trong phần một là Nhân duyên phát khởi giáo pháp cũng phân làm mười: 1. Tổng quát hiển bày về pháp đã nghe. 2. Từ “Nhất thời...” trở xuống là nêu ra Chủ-Thời-Xứ. 3. Từ “Thỉ thành Chánh giác...” trở xuống là riêng biệt trình bày về Thời phần. 4. Từ “Kỳ địa...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về nơi chốn trang nghiêm. 5. Từ “Nhĩ thời Thế Tôn...” trở xuống là trình bày về Giáo chủ khó nghĩ bàn. 6. Từ “Hữu thập Phật thế giới...” trở xuống là trình bày về Chúng hải vân tập. 7. Từ “Nhĩ thời Như Lai đạo tràng...” trở xuống là ca ngợi về đức. 8. Từ “Nhĩ thời Như Lai sư tử tòa...” trở xuống là trong tòa ngồi xuất hiện Đại chúng. 9. Từ “Nhĩ thời Hoa Tạng...” trở xuống là trời đất hiện rõ điềm lành. 10. Từ “Như thử thế giới...” trở xuống là kết luận về nối thông vô tận.

1) Tổng quát hiển bày về pháp đã nghe: Như Thị Ngã Văn (Tôi nghe như vậy), nghĩa là nghĩa của một bộ kinh như vậy, trước đây tôi đích thân nghe từ Đức Phật. Luận Phật Địa nói: “Nghĩa là người lưu truyền giáo pháp của Phật, nói sự việc như vậy, trước đây tôi đã từng nghe.”

Như Thị, nói chung dựa vào bốn nghĩa mà chuyển: Một: Dựa vào thí dụ; Hai: Dựa vào dạy dỗ; Ba: Dựa vào hỏi đáp; Bốn: Dựa vào sự đồng ý. Đây đủ như luận ấy. Ngoài ra, lại có cách giải thích khác, mà ý nghĩa không khác với trước. Trên đây là tổng hợp về Tín-Văn.

Nếu tách ra để giải thích, thì trước là giải thích Như Thị thuộc Tín thành tựu.

Trí Luận nói: “Pháp Phật như biển rộng, Tín là có thể tiến vào, Trí là có thể vượt qua.” Tín tưởng thì nói sự việc này như vậy, không tin

tưởng thì nói sự việc này không như vậy.

Vì vậy Triệu Công nói: “Như Thị, tức là từ ngữ của sự tin thuận, tin là lý thuận với pháp đã thuyết giảng, thuận là đạo thành tựu của thầy trò, kinh không có nhiều quy ước, không tin thì không truyền thụ, cho nên gọi là Như Thị.”

Có người nói: “Thánh nhân thuyết pháp chỉ vì hiển bày về Như, chỉ có Như là Thị, cho nên gọi là Như Thị.” Đây chỉ là dựa theo lý đã giải thích.

Tiếp theo Tam tạng Chân Đế nói: “Chân không trái với Tục gọi đó là Như, Tục thuận với Chân gọi đó là Thị, Chân-Tục không hai cho nên gọi là Như Thị.” Đây là dựa theo Lý-Sự đã giải thích. Nếu nói chữ Như ở đây là Phật đã thuyết giảng, thì chỉ dựa theo chủ động giải thích.

Có người nói: “Như là nói đến lý thích hợp, nói đến lý thuận với nhau, gọi đó là Như. Thị là nói đến không có gì sai.” Đây là trình bày về thuyết Sự thích hợp với Sự, thuyết Lý thích hợp với Lý, trình bày về giáo pháp chủ động giải thích, phù hợp với Lý-Sự.

Dung Công nói: “Như Thị, là đầu mối của sự cảm ứng, Như là thuận với căn cơ mà có được tên gọi, Thị là không có gì sai mà có được tên gọi. Chúng sinh là không có gì sai làm Cầm, Như Lai là thuận với căn cơ làm Ứng. Kinh là từ ngôn giáo mà phát ra cảm ứng, cho nên nói là Như Thị.” Đây là bao gồm hướng về căn cơ.

Các cách giải thích trên đây đều là một lộ trình. Lại có những cách giải thích, ngôn từ khác nhau mà ý nghĩa giống nhau. Nếu dựa vào phát sinh niềm tin của chúng sinh, thì thích hợp như Trí Luận và luận Phật Địa kết hợp giải thích; nếu chọn lấy đối địch với A Ưu, thì thích hợp như Chân Đế đã giải thích.

Nay sẽ mở rộng về điều này. Ngoại đạo cho rằng A là nói về không có, Ưu là nói về có, vạn pháp tuy nhiều nhưng không ra ngoài có và không có. Đây là chấp về Đoạn-Thường. Nay nói: Như tức là Chân Không, Thị tức là Diệu Hữu. Đã không có Chân ở ngoài Tục, cho nên Không mà không phải Đoạn; không có Tục ở ngoài Chân, cho nên Hữu mà không phải Thường. Tức là đối trị phá bỏ Tà tông để làm sáng tỏ về Trung đạo, Thời giáo của một đời không ra ngoài điều này, cho nên nói là Như Thị.

Nếu tông chỉ của Hoa Nghiêm, thì pháp giới không có chướng ngại là Như, chỉ điều này chứ không có gì sai là Thị. Thích hợp tùy theo giáo môn sâu cạn, để hiển bày về Như Thị không giống nhau.

Sau là giải thích Ngã Văn thuộc Văn thành tự. Mong muốn truyền thụ cho điều chưa nghe, nếu có ngôn từ mà không truyền thụ thì đều là thi thiết uổng phí, không thuộc về chủ động thuyết giảng mà chú trọng thuộc về chủ động truyền thụ.

Tiếp là trình bày về Ngã Văn, Ngã tức là A-nan, Văn nghĩa là tự mình lắng nghe. Vì sao nói là Ngã ngay nơi các Uẩn giả tạm, ở đây dùng cái gì để nghe?

Nếu dựa vào Pháp tướng của Tiểu thừa-Đại thừa, thì tất cả có ba thuyết: 1. Tai nghe chứ không phải Thức; 2. Thức nghe chứ không phải tai; 3. Duyên hòa hợp mới nghe. Nhưng hoặc là đầy đủ bốn duyên-tám duyên..., tuy nhờ vào nơi tai mà bỏ riêng thuận theo chung, cho nên nói là Ngã Văn. Pháp tuy Vô ngã nhưng ngôn ngữ vốn là phương tiện, tùy thuận thế gian cho nên nói là Ngã Văn, không phải tâm tà mạn mà có những lời đã nói.

Nếu dựa vào Vô tướng, thì Ngã đã Vô ngã, Văn cũng Vô văn, vốn thuận theo duyên trống rỗng mà không làm hỏng giả danh, tức là không nghe cái nghe mà thôi.

Nếu dựa theo Pháp tánh, thì Chỉ thú của kinh này là truyền pháp cho Bồ-tát, bởi vì Ngã-Vô ngã là Chân ngã không hai, Căn-Cảnh vi diệu không phải là một-khác, cho nên tai nghe pháp môn vô ngại của pháp giới. Nhưng A-nan vốn không nghe kinh, hoặc nói là lần lượt chuyển tiếp truyền thụ mà nghe, hoặc nói là Như Lai thuyết giảng lại, hoặc nói là đạt được Tam-muội sâu xa, hoặc là tự nhiên có thể thông suốt.

Trên đây đều dựa vào Tích mà nói về Thật, là ảnh hưởng truyền thụ làm cho lớn mạnh của Bồ-tát Đại Quyền, như kinh Bát Tư Nghị Cảnh Giới, đó là chứng cứ thích hợp, chỉ tùy theo căn cơ mà giáo pháp sai khác, cho nên thấy-nghe không giống nhau. Trên đây là tổng quát hiển bày về pháp đã nghe, xong.

2) Nêu ra Chủ-Thời-Xứ: Tức là ba thành tự, nói Nhất Thời là Thời thành tự, Thời là cũng thuận theo thế gian tạm thời thiết lập về Thời phần. Nhất là lựa chọn khác với thời gian khác, thời gian Như Lai thuyết kinh thì có vô lượng, không thể nào riêng biệt nêu ra, một lời tóm lược tất cả, cho nên nói là Nhất Thời. Như kinh Niết Bàn nói: “Một thưở nọ Đức Phật ở bên bờ sông Hằng...” Tức là lúc Đấng Pháp Vương bắt đầu vận chuyển Pháp Hội tốt đẹp, cũng có thể là căn cơ-giáo pháp cùng một lúc, nghĩa là trên đây nói Như Thị, lời nói tuy thích hợp với Lý, nhưng nếu không hợp Thời, thì cũng trở thành lời nói hư rỗng. Nay trình bày căn cơ chúng sinh cảm đến bậc Thánh, bậc Thánh luôn luôn

hướng đến ứng hiện, đạo của phàm và Thánh xen nhau không mất đi thời cơ tốt đẹp, cho nên nói là Nhất Thời.

Phật là Chủ thành tựu, nói đầy đủ là Bột-đà, Trung Hoa nói là Giác Giả, nghĩa là bậc đã đầy đủ tự giác và giác tha, tuy đầy đủ mười hiệu mà nghĩa của Phật bao hàm, cho nên chỉ trình bày về Phật, nghĩa xem trong đề mục của kinh.

Từ “Tại Ma-kiệt...” trở xuống là Xứ thành tựu. Chân thân không có hiện bày mà không có nơi nào không hiện bày, cho nên tiếp theo phân rõ về điều này. Nước Ma-kiệt-đề, là bao gồm nêu ra nơi chốn thuyết giảng, Trung Hoa nói là Vô Độc Hại, bởi vì phép nước không có hình phạt giết hại, biểu thị cho pháp chủ động cảm hóa; hoặc nói là Biển Thông Tuệ, bởi vì người thông tuệ có khắp đất nước ấy, biểu thị cho căn cơ đã cảm hóa. Pháp A-lan-nhã, là riêng biệt nêu ra nơi chốn thuyết giảng. A-lan-nhã, Trung Hoa nói là Vô Huyền Tranh, tức là sự vắng lặng; pháp là chân lý đã chứng, hai chương của nghiệp khổ xen tạp hỗn loạn ở đây không còn, Sự-Lý đều vắng lặng cho nên thêm vào chữ Pháp. Bồ-đề tràng, Bồ-đề nói là Giác, tức là chủ động chứng được Đại Trí tròn vẹn sáng ngời cứu cánh; Tràng là nơi chứng được Bồ-đề. Nhưng Sự thuộc về nơi chốn tức là trong trời đất, hai trăm dặm về phía Tây của thành Vương Xá, trên tòa Kim Cang. Dựa theo pháp thì vạn hạnh đều là đạo tràng, nơi Lý-Trí hội tụ với nhau, bởi vì biểu thị cho pháp đã thuyết giống như pháp đã chứng, cho nên thuyết giảng mà không rời khỏi nơi ấy. Nếu dung hòa trọn vẹn Thời-Xứ..., thì đều như trước đã nói.

3) Riêng biệt trình bày về Thời phần: Trước nêu ra Nhất Thời nhưng chưa biết là lúc nào, cho nên nay riêng biệt hiển bày là lúc mới thành Phật, cũng làm sáng tỏ về thời gian xuất hiện của bậc Đại Sư. Giáo pháp thù thắng này vốn là gốc rễ của các giáo pháp, cho nên thuộc về thời gian đầu. Chữ Đầu (Sơ) hãy còn tổng quát, đầu là bao nhiêu ngày? Văn của chín Hội giống như thời gian đầu này hay không? Sơ lược đưa ra ba cách giải thích:

Một: Dựa theo tướng trước-sau không hoại mà nói, lúc mới thành Chánh giác thì bảy ngày thứ nhất thuyết về năm Hội trước, bảy ngày thứ hai thuyết về Thập Địa... Một Hội thứ chín chính là thuộc về thời gian sau, bởi vì Kỳ Viên-Thân Tử đều là thời gian sau, cho nên thường xuyên thuyết giảng mà không trở ngại đến thời gian sau, tuy có thể lập tức thuyết giảng mà có những pháp biểu hiện. Năm Hội đầu thuyết về Tín-Giải-Hạnh-Nguyện vốn thuộc về thời gian đầu tiên, cho nên đều

nói là không rời khỏi tán cây Bồ-đề. Hội thứ sáu là nhờ vào Địa mà chứng được phần vị sâu xa tiếp theo, cho nên không nói là không rời khỏi tán cây Bồ-đề. Pháp giới chứng được cuối cùng, cho nên thuộc về thời gian sau cuối; cũng hiển bày về Nhị thừa bật dứt thấy-nghe, cho nên tuy Xứ khác nhau-Thời riêng biệt mà cũng không tách lìa nhau, bởi vì dựa vào Uế độ để hiển bày về thanh tịnh, do đó phải có trước sau vậy thôi. Nếu như vậy thì Thế Thân sao lại nói bảy ngày thứ nhất không thuyết giảng, chỉ là hành thuộc tư duy-hành thuộc nhân duyên? Thế Thân vừa gặp được phẩm Thập Địa, lập tức soạn luận để giải thích, hoặc là chưa tận cùng của văn rộng lớn, hoặc là thấy-biết có khác mà chưa hoàn toàn quyết định. Ý của Bồ-đề Lưu Chi thì trên đại thể giống với nơi này.

Hai: Thuận theo luận để giải thích, thì chín Hội đều ở sau bảy ngày thứ hai, mười bốn ngày không phải là lâu, cũng gọi là lúc mới thành Chánh giác.

Ba: Dựa theo thật sự viên dung để giải thích, đều ở lúc mới thành Chánh giác, trong một niệm dùng một âm thanh lập tức thuyết giảng về văn vô tận của bảy Xứ-chín Hội, trong Định Hải Ấn lập tức phù hợp hiện bày mà ứng với cơ duyên xuất thế, cơ cảm liền ứng, ứng liền có thuyết giảng mà không có lỗi trái với thời gian, cho nên Kỳ Viên-Thu Tử vốn là chín đời thu nhận với nhau.

Nói về Trùng Hội, cũng giống như ánh sáng nhiều ngọn đèn hòa quyện với nhau, cho nên pháp giới phát ra ánh sáng, cũng thấy Bồ-tát ngồi khắp nơi đạo tràng thành tựu Chánh giác. Kinh này đầu Thập Địa không nói đến mười bốn ngày, nói đến mười bốn ngày vốn là thuận theo căn cơ sai khác. Vì vậy các kinh luận hiển bày về thời gian thuyết giảng đầu tiên có nhiều sai biệt, đó là kinh Phổ Diệu-kinh Mật Tích nói trong bảy ngày thứ hai đã thuyết về Tam thừa, Pháp Hoa qua bảy ngày thứ ba mới nói đến thuyết giảng về Tiểu thừa, trong luật Tứ Phần nói là bảy ngày thứ sáu, kinh Hứng Hiển Hạnh nói là bảy ngày thứ bảy, luật Ngũ Phần nói là bảy ngày thứ tám, Trí Luận nói là bảy ngày thứ năm mươi. Có nơi nói: Trên đại thể giống với kinh Thập Nhị Du là một năm.

Thời gian đã không nhất định thì thuyết giảng cũng không giống nhau, đều do căn khí thích hợp mà thấy-nghe có khác nhau. Dựa theo Phật hưởng đến cơ duyên thì không có lúc nào không thuyết giảng, hưởng về căn khí thì không có cảm nào chưa từng có thuyết giảng. Đấng Địa luôn luôn thấy thường xuyên thuyết về kinh một vị như nhau, dựa vào Phật mà nói thì không có thuyết giảng-không thuyết giảng.

Nếu thâm nhiếp phương tiện, thì đều phù hợp với Nhất thừa mà hiện bày sai biệt vậy thôi. Bởi vì thuyết giảng không bờ bến, cho nên không cần phải chấp vào giới hạn, do đó tổng quát thâm nhiếp để làm mười lớp, như trước đã phân rõ.

Trên đây là hiển bày về thời gian. Tiếp theo giải thích về nghĩa của thành Chánh giác, dựa theo Giáo không giống nhau. Tiểu thừa thì ba mươi bốn tâm đoạn kết, năm phần Pháp thân mới trọn vẹn, gọi là thành Chánh giác, là Thật chứ không phải Hóa. Trong Đại thừa thì dựa theo Hóa thân là tám tướng thị hiện thành tựu, dựa theo Báo thân thì Thập Địa đầy đủ Hạnh, bốn Trí bất đầu tròn vẹn, gọi là mới thành Chánh giác. Dựa vào Thật thì xưa nay tình mất đi-tâm không có tướng ban đầu, gọi đó là Thỉ; không có ý niệm mà soi chiếu, gọi đó là Chánh; thấy tâm thường trú, gọi đó là Giác; Thỉ-Bổn không hai, gọi đó là Thành. Dựa theo Pháp thân là Thánh Trí tự giác, không có thành mà tất cả đều thành.

Nếu dựa vào kinh này, thì bởi vì thân mây pháp giới của mười Phật, rộng khắp Thời-Xứ vô tận của Nhân-đà-la võng, niệm niệm ban đầu trong ban đầu vì chúng sinh mà hiện bày, đầy đủ chủ-bạn thâm nhiếp ba thế gian. Ban đầu ở đây tức là thâm nhiếp ban đầu của vô lượng kiếp-ban đầu của không ranh giới, một thành thì tất cả thành-không có thành mà tất cả đều thành, một giác thì tất cả giác-không có giác mà tất cả đều giác, ngôn từ cùng tận-suy nghĩ vắng lặng không làm hỏng giả danh, cho nên nói là mới thành Chánh giác. Như phẩm Xuất Hiện và phẩm Bất Tư Nghị Pháp mở rộng hiển bày, thâm nhiếp các thuyết trước đây, đều do Nhất thừa mà hiện bày.

4) Riêng biệt hiển bày về nơi chốn trang nghiêm: Như vậy từ đây trở xuống là Xứ-Chủ và Chúng, tức là ba loại thế gian trang nghiêm. Trong ba loại thì hai loại trước tức là Y-Chánh của Như Lai, Chúng tức là giúp đỡ cho Tịnh độ không trống rỗng.

Một: Khí thế gian trang nghiêm, tức là mở rộng đối với sự trang nghiêm của đạo tràng trước đây, hiển bày về sự thành tựu tuyệt diệu của giác ngộ trước đây, khác nhau đối với nơi chốn của kinh khác. Trong đó có bốn sự đều có mười loại trang nghiêm, trình bày ngay nơi nhiệm hiển bày về tịnh, tức là bốn phần riêng biệt: Thứ nhất: Mặt đất trang nghiêm; Thứ hai: Cây trang nghiêm; Thứ ba: Cung điện trang nghiêm; Thứ tư: Tòa sư tử trang nghiêm.

Nhưng các loại trang nghiêm này đều có đủ ba cách giải thích: 1. Dựa theo Sự có thể biết. 2. Biểu thị cho Pháp, nghĩa là mặt đất biểu thị

cho mặt đất tâm của Pháp thân, cây cối biểu thị cho Bồ-đề, cung điện biểu thị cho Vô trú Niết-bàn, tòa sư tử biểu thị cho Pháp Không... 3. Dựa vào nhân hạnh, đó là: a) Bởi vì tận cùng về nhân của mặt đất tâm thuộc Pháp thân, Báo đạt được mặt đất tăng thượng của Kim Cang; b) Dùng Bát-nhã làm nhân; c) Dùng Bi-Trí dẫn dắt nhau làm nhân; d) Cũng dùng Pháp Không làm nhân. Nhưng hoặc là một nhân hạnh thành tựu tất cả trang nghiêm, hoặc tất cả nhân hạnh thành tựu một trang nghiêm, hoặc một nhân hạnh thành tựu một trang nghiêm, hoặc tất cả nhân hạnh thành tựu tất cả trang nghiêm, bởi vì tất cả dung hòa sai khác cho nên thuần-tạp vô ngại. Nay chỉ trình bày về một hạnh-một trang nghiêm để hiển bày về những pháp đã biểu hiện, nhưng đều thấu nhiếp về đức vô tận. Bốn sự đều có mười câu, đầu là tổng quát-sau là riêng biệt. Nay tạm thời dựa vào văn đều phân làm bốn.

Thứ nhất: Mười câu về mặt đất tâm (Tâm địa) phân làm bốn: 1. Một câu tổng quát hiển bày về Thể của mặt đất; 2. Bốn câu về Tướng của mặt đất đầy đủ các đức; 3. Bốn câu về đầy đủ trang nghiêm trên mặt đất; 4. Một câu nêu ra nhân kết luận về Dụng.

1) Nêu ra dùng kiên cố để giải thích về Kim Cang. Trong các giáo, có giáo nói là tòa cỏ-cây cối, phần nhiều nói tòa ngôi là Kim Cang. Nay mặt đất hoàn toàn bằng Kim Cang là Quyền, Thật thì vốn hiển bày xuyên suốt về Hoa Tạng, rộng ra như phẩm ấy nói.

2) Từ “Thượng diệu...” trở xuống là nói về Tướng của mặt đất đầy đủ các đức, dựa theo nhân để giải thích: Một: Vòng quý báu, một thấu nhiếp tất cả, hạnh tròn vẹn mà dẫn đến. Hai: Cho đến các loại hoa quý báu mở bày giác ngộ làm vui lòng người khác. Ba: Ngọc Ma-ni thanh tịnh tròn vẹn trong suốt ngời sáng long lanh. Dùng ba hạnh trên để trang nghiêm mặt đất tâm, cho nên kết luận nói là dùng làm trang nghiêm. Trên đây đều là Sắc thuộc hình tướng. Bốn: Tức là Sắc đã hiển bày, nghĩa là khác nhau như xanh-vàng... Tên gọi về tướng của các Sắc đủ loại, trùng điệp sâu rộng như biển, chiếu rọi sinh ra lẫn nhau, giống như sóng lớn của biển rộng. Hoặc là các Sắc cùng sinh ra, hoặc là trở lại thấu nhiếp hòa vào với nhau, hàm chứa rộng rang long lanh trong suốt, tình thế trước mắt hiện bày nhiều cách, gọi là hiển bày rõ ràng vô biên. Đây là do ẩn-hiện tự tại, định-tán vô ngại, tùy theo căn cơ lợi hành mà dẫn đến vậy.

3) Từ “Ma-ni...” trở xuống là trình bày về đầy đủ trang nghiêm trên mặt đất: Một- Cột cao quý báu gộp lại có năm câu, câu một là Ma-ni làm Thể, câu hai-ba là ánh sáng-âm thanh trình bày về Dụng, câu

bốn-năm là lưới giăng phân rõ về trang nghiêm. Dựa vào nhân hạnh, thì hàng phục tà ma ngoại đạo làm cột cao, ánh sáng của Trí thường soi chiếu, âm thanh của Từ làm cho người khác vui thích, Nguyễn-Hạnh đan xen qua lại, Giới tỏa hương thơm ngào ngạt, bốn Nhiếp rủ xuống khắp nơi. Hai: Ngọc quý Ma-ni mưa xuống vật báu biểu thị cho thần thông như ý, tùy theo căn cơ mà biến hiện mưa xuống giáo pháp quý báu. Ba: Hoa đẹp rải trên mặt đất, cũng vốn là nhiều nhân hạnh trang nghiêm khắp nơi cho tâm. Bốn: Cây quý báu xếp thành hàng, vốn là đức hạnh đã kiến lập.

4) Từ “Phật thân lực...” trở xuống là nêu ra nhân kết luận về Dụng: Phật lực là nêu ra nhân. Bởi vì vật dụng trang nghiêm nhiều môn, nói riêng biệt khó mà hết được, cho nên tổng quát nói là tất cả đều hiện rõ. Hoặc là hiện rõ ở trong cây, hoặc là hiện rõ ở trên các vật dụng trang nghiêm và trong lòng đất, vốn trình bày trong mỗi một hạnh đều là đạo tràng.

Thứ hai: Cây Bồ-đề trang nghiêm, tức là nhân của Đại Trí cảm được, có mười một câu phân bốn: 1. Tổng quát hiển bày về cao lớn thù thắng; 2. Thể thù nhiếp các đức; 3. Diệu Dụng tự tại; 4. Nêu ra nhân kết luận về Dụng.

1) Tổng quát hiển bày về cao lớn thù thắng: Vút thẳng lên cao, lộ rõ khác xa, tuyệt vời trọn vẹn, vượt ra một mình. Dựa theo nhân tức là Trí vượt lên trên số lượng biểu thị là Cao, không che giấu tánh vốn có là Hiện, đầy đủ công đức thành tựu chúng sinh là Thù, lại chân thật không hai là Đặc. Dựa theo quả thì cây tức là Bồ-đề.

2) Từ “Kim cang...” trở xuống là sáu câu trình bày về Thể thù nhiếp các đức: Một: Thân là Kim cang, bởi vì Tam-muội Kim Cang là nhân của Bốn trí, cho nên Chánh hạnh thành lập làm thân của cây. Hai: Thân là Lưu ly, bởi vì Bốn trí phát sinh hiểu biết, cho nên trong ngoài sáng long lanh. Ba: Cành nhánh là nhiều vật báu xen lẫn, bởi vì hiểu biết tùy theo cảnh sai biệt. Bốn: Cành nhánh nhờ vào lá để làm trang nghiêm, Trí giúp cho Định mà soi chiếu sâu xa; lá quý báu tuy khác nhau mà cùng nhau làm thành một bóng che, trăm ngàn môn Định cùng quy về một vắng lặng, tự che mát cho mình và che mát cho người. Năm: Hoa quý báu khác màu sắc ở trên cây, phân ra cành tiếp nhận ánh sáng làm màu sắc, hình ảnh trải bày cùng ở mặt đất, biểu thị cho các pháp như Thần thông... dựa vào Định mà có khác nhau, đều tiếp nhận ánh sáng của Trí hiện rõ hình ảnh trên mặt đất tâm. Sáu: Hoa tuy không giống nhau, mà quả đều như ý, biển hạnh vô biên cùng hưởng đến Bồ-

đề. Nếu quả Tự lợi thành tựu bên trong thì hàm chứa ánh sáng rực rỡ, nếu thân tâm sâu xa vắng lặng bên ngoài thì phát ra ánh sáng, nếu tiếp xúc với cảnh thì sáng tỏ. Nếu quả Lợi tha thành lập mà chưa chín muồi, thì hàm chứa ánh sáng rực rỡ, hiểu biết sinh ra tướng Phật; đã chín muồi thì phát ra ánh sáng trở lại lưu truyền ánh sáng của giáo pháp, Thể như hạnh mà thành tựu quả, bởi vì không có quả của nhân khác, cho nên cùng với hoa xen nhau mà bày ra. Văn sau kinh nói: “Cây pháp vi diệu của Bồ-đề, sinh từ mặt đất tâm thẳng thắn...”

3) Từ “Kỳ thọ...” trở xuống là ba câu, trình bày về Diệu Dụng tự tại lần lượt chuyển tiếp thành tựu ích: Một: Dựa vào trí Bồ-đề phát ra ánh sáng của Trí thuộc Giáo. Hai: Dựa vào ánh sáng của Trí rưới mưa pháp quý báu tròn vẹn sáng ngời. Ba: Giáo thành tựu Bi-Trí, tức là Bồ-tát hiện rõ trước mắt, vô tâm mà hạnh thành tựu, cho nên như mây cuộn lên.

4) Từ “Hựu dĩ...” trở xuống là một câu, nêu ra nhân kết luận về Dụng, nghĩa là Phật lực làm nhân, lưu chuyển âm thanh thuyết giảng Chánh pháp, dùng lực Như Như là âm thanh của Trí thuyết giảng về Chánh pháp, âm thanh cũng như tánh cho nên không có tận cùng, rộng lớn theo không gian cho nên vô tận, kéo dài theo thời gian cho nên vô cùng, không có gián đoạn cho nên gọi là thường hằng.

Thứ ba: Từ “Như Lai sở xứ...” trở xuống là trình bày về cung điện trang nghiêm của Phật, có mười câu phân làm bốn:

1) Tổng quát trình bày về phần lượng, Cung có thể che phủ-nuôi nấng, tức là Từ Bi. Điện có thể báii yết tổ tông, đó gọi là viên tịch, Bi-Trí dẫn dắt nhau, như lầu gác dựa vào nhau. Quảng là pháp vô biên mà không có gì ở ngoài. Bác là pháp không hạn hẹp mà bên trong rộng rang. Nghiêm là trang nghiêm đẹp đẽ mà đầy đủ các tướng. Lệ là pháp đẹp đẽ mà nghĩa đầy đủ. Sung Thập Phương là xứng với pháp tánh.

2) Từ “Chúng sắc...” trở xuống là hai câu về Thể-Tướng tròn vẹn đầy đủ: Một: Thể là Ma-ni tích tụ công đức dung hòa với nhau mà thành tựu. Hai: Tướng trang nghiêm nhiều loại, các pháp như Thân thông... vốn là Dụng vắng lặng của Bi.

3) Từ “Chư trang nghiêm...” trở xuống là sáu câu về Diệu Dụng tự tại: Một: Các hành phát ra ánh sáng, pháp tỏa ra như mây, mây lại có nhiều nghĩa về sau sẽ phân rõ. Hai: Ánh sáng trên cột cao một mình tỏa ra, Tuy là hội tụ, tức là nương theo ánh sáng hội tụ hình ảnh mà thành tựu, nghĩa là Bi vắng lặng đan xen vào nhau nương theo Trí đầy khởi thích hợp làm cho ma phải hàng phục mà vượt ra. Ba: Bên trong tiếp

nhận vô biên Bồ-tát ở các thế giới hải, tức là đạo tràng nơi khác cũng ở trong đó, ngay trong Y có Chánh, cũng trong quả có nhân, chính là trình bày về Niết-bàn và Thánh chúng hội tụ sâu xa. Bốn: Âm thanh, ánh sáng, lưới giăng quý báu giăng khắp, vì ngăn chặn chim chóc làm dơ bẩn để tăng thêm trang nghiêm cho cung điện; giống như lưới giăng của Đại giáo, ngoài thì ngăn chặn ác kiến, trong thì tăng thêm Bi vắng lặng. Giáo pháp đều tròn vẹn tuyệt diệu, từ vật báu mà thành tựu, cho nên có thể phát ra ánh sáng trí tuệ của Phật. Âm thanh tròn vẹn thuyết giảng tuyệt diệu, nói về âm thanh không thể nghĩ bàn, sơ lược có bốn nghĩa: 1. Âm thanh phong phú rộng rãi; 2. Pháp đã thuyết khó lường được; 3. Âm thanh tức là nghĩa về không có; 4. Một đầy đủ tất cả. 5. Sinh ra Dụng của quả, tức là Đại Dụng của Chánh báo ở trong Y báo này, Y-Chánh tự nhiên dung hòa với nhau mà không xen tạp, trình bày về dựa vào Đại Niết-bàn có thể kiến lập Đại nghĩa, cho nên nói là sinh ra. 6. Không nhiễm mà hiện rõ nhiễm, chúng sinh là Chánh báo, nơi cư trú là Y báo, nhiễm ô trái với tánh thanh tịnh mà không nói là sinh ra, Vọng không có tự Thể mà vẫn dựa vào Chân hiện bày.

4) Từ “Hựu dĩ...” trở xuống là nêu ra nhân hiển bày về rộng rãi, nghĩa là đức rộng lớn vốn khó nói rõ, nay tổng quát kết luận là nhờ vào Phật lực, một niệm lập tức bao gồm tất cả pháp giới thuộc Sự-Lý nhiễm tịnh, huống là nhiều niệm hay sao? Nhưng khắp nơi mười phương trên đây, tức là nối thông-giới hạn vô ngại. Quy tụ chúng Bồ-tát phát ra thần thông của Phật, tức là thâm nhiếp-hòa nhập vô ngại. Hiện rõ sinh ra nhà cửa kín đáo, tức là nhiễm-tịnh vô ngại. Đều bao gồm pháp giới, tức là rộng rãi-hạn hẹp vô ngại. Một niệm tức là có thể kéo dài-rút ngắn vô ngại. Lại quy tụ chúng Bồ-tát, tức là nhân-quả vô ngại; phát ra thần thông của Phật, tức là Y-Chánh vô ngại. Mười loại cung điện, ở đây cần phải nói đến.

Thứ tư: Từ “Kỳ sư tử...” trở xuống là tòa sư tử trang nghiêm, có mười câu phân bốn:

1) Tổng quát hiển bày về hình tướng thù thắng: Tòa sư tử, là nơi chốn của sư tử giữa loài người. Lại thuyết về pháp Vô úy, bởi vì đạt được pháp Không thì đâu có gì sợ hãi; Không chính là cao mà không có gì cao hơn, sâu xa không thể suy lường; rộng lớn mà không có gì ở ngoài, giới hạn không thể tận cùng; tuyệt diệu chính là ngay nơi Sự mà Chân, tốt đẹp nghĩa là đầy đủ các đức, không có gì thiếu sót.

2) Từ “Ma-ni...” trở xuống có sáu câu về Thể đức tròn vẹn đầy đủ: Một: Đài của tòa sư tử, Ma-ni tức là ở giữa, Chánh có thể ở nơi Y,

Ma-ni tùy theo chiếu rọi có sai khác, pháp Không tùy theo duyên trở thành khác nhau, Diệu lý Trung đạo chính là nơi đáng nương tựa. Hai: Xung quanh tòa sư tử là lưới hoa, tức là tướng bên ngoài không nhiễm ô, chiếu rọi lẫn nhau vốn là Không. Ba: Vật báu thanh tịnh làm vòng, vòng nghĩa là vòng quanh ở giữa của đài, vòng quanh tức là đầy đủ công đức rộng khắp. Bốn: Tua hoa rủ xuống xung quanh, các Giác-các Thông lưu truyền giáo hóa thấu nhiếp tất cả. Năm: Vật báu trang nghiêm đan xen tô điểm cung điện..., tóm lược nêu ra tất cả thì bao gồm toàn bộ không có nơi nào không trang nghiêm, cho nên nói là Thể đầy đủ, hiển bày về pháp Không thu nhận toàn bộ vạn tượng, không có Sự nào không hợp với Lý. Sáu: Tô điểm giữa cây quý báu trong cảnh tượng của vật trên đây, tức là cây diệu pháp của Bồ-tát, tùy theo giáo hóa mà phân cành, tùy theo nhân mà cảm quả, đều dựa vào nghĩa của Vô tướng nói là hồi hướng rộng khắp, phàm Thánh giúp đỡ nhau gọi là bày ra trong nhau.

3) Từ “Ma-ni quang...” trở xuống là hai câu về Diệu Dụng rộng lớn: Một: Vật báu thanh tịnh phát ra ánh sáng như mây, trải qua hòa vào pháp Không cũng như vậy, trong mỗi một Trí nhận biết tất cả các pháp, Thể của mỗi một pháp hiển bày tất cả các Trí, để soi chiếu lẫn nhau. Hai: Dụng thuộc vật báu của chủ bạn phát ra tỏa sáng lẫn nhau, nghĩa là Phật hóa ra Ma-ni có thể làm Phật sự. Trí Luận nói: “Ngọc quý báu của Luân Vương chỉ tùy theo ý người có thể mưa xuống đồ vật quý báu, ngọc quý báu của chư Thiên có thể tự nhiên tùy theo chư Thiên sử dụng, ngọc quý báu của Phật có thể làm Phật sự khắp mười phương, ngọc quý báu của Bồ-tát cũng có thể làm từng phần. Như ngọc quý báu Tỳ-lăng-già trong mũ của Văn Thù Sư Lợi, chư Phật mười phương hiện bày rõ ràng trong đó...” Nay ngọc châu trong búi tóc của Bồ-tát tức là loại ấy, vẫn sau nói ngọc châu trong búi tóc của Bồ-tát vẫn tập cũng như vậy. Dùng ngọc quý báu này trang nghiêm tòa sư tử, nghĩa là lúc mới thành Phật, tất cả chư Phật đều hiện hình làm lễ Quán đảnh, tất cả Bồ-tát tự mình trao cho sự cung kính cúng dường, cho nên ngọc quý báu của nhân quả cùng đến chiếu sáng long lanh. Như Lai từ Quả khởi Dụng, cho nên nói là hóa hiện; nghĩa về Lý tròn vẹn-Giải đầy đủ, nói là ngọc chúa. Trí soi chiếu tròn vẹn thanh tịnh trên đỉnh tâm của Bồ-tát, cho nên nói là vật báu vi diệu trong búi tóc, vắng lặng soi chiếu-soi chiếu vắng lặng, đều chiếu rọi trong sáng long lanh.

4) Từ “Phục dĩ...” trở xuống là một câu về Phật gia hộ mở rộng thuyết giảng về cảnh giới của Phật như hư không, cho nên nói là rộng lớn. Có cảm thì đến, bởi vì không có nơi nào không đến được, hiển bày

về giáo pháp đều từ pháp Không mà phát ra. Vì vậy đã phát ra cũng rộng khắp pháp giới, không phải Trí thì không hiển bày, cho nên nói là Phật lực. Hiển bày về nơi chốn trang nghiêm, xong.

5) Từ “Nhĩ thời Thế Tôn...” trở xuống là trình bày về Giáo chủ khó nghĩ bàn.

Trước đây chỉ nói là Phật, nhưng chưa hiển bày là Phật thuộc thân nào; lại chỉ nói là mới thành Chánh giác, mà chưa biết về tướng thành tựu thế nào? Vì vậy nay hiển bày về điều đó, nghĩa là đầy đủ mười loại công đức sâu rộng, tức là mười loại thân mây pháp giới vô tận của Giá-na, thành tựu Chánh giác khắp nơi pháp giới, không phải là Ứng thân quyền biến. Văn phân làm hai: Trước là tổng quát, sau là riêng biệt.

Trong phần trước là tổng quát phân rõ: Ngay nơi thân Bồ-đề có đủ đức vô tận, là nơi tôn kính của thế gian. Tướng của tòa sư tử hiện tại, tức là nơi an trú của thân. Trí ở nơi các pháp, cho nên không có trước sau. Đối với tất cả các pháp nêu rõ về Cảnh đã giác ngộ, tức là pháp vô tận thuộc hai Đế-ba Đế; thành tựu Chánh giác cao nhất là nêu rõ về Trí chủ động giác ngộ. Mở bày tỏ ngộ gọi là Giác, lia xa trái ngược gọi là Chánh, đến cuối cùng gọi là Tối (cao nhất), đạt được gọi là Thành. Đây là ngay nơi tướng mà giải thích. Nếu lựa chọn khác biệt, thì phạm phu điên đảo mê hoặc, Phật giác ngộ bóng tối sâu dày. Nhị thừa tuy giác ngộ mà không gọi là Chánh, bởi vì chỉ nhận biết về pháp Hữu chứ chưa nhận biết về pháp Không, chỉ nhận biết về Ngã Không chứ chưa nhận biết về Ngã Hữu, Hữu thì chán ngán sinh tử, Không thì đắm vào Niết-bàn, điên đảo chưa trừ thì lẽ nào có thể gọi là Chánh? Giả sử có thể gọi là Chánh nhưng cũng chưa gọi là Tối. Bồ-tát tuy Chánh mà có phía trên-có tu tập, không có thể gọi là Tối. Giả sử phần vị cuối cùng gọi là Tối nhưng cũng chưa có thể gọi là Thành. Bởi vì chỉ riêng Đức Phật có năng lực, cho nên nói là thành tựu Chánh giác cao nhất (Thành Tối Chánh Giác), nghĩa là Như Lượng-Như Lý rõ ràng đến cuối cùng, cho nên đã vượt ra Sở tri chướng vi tế.

Trong phần sau từ “Hậu Trí nhập...” trở xuống là riêng biệt, tức là dựa theo mười đức riêng biệt hiển bày về mười thân. Văn phân làm mười: Một: Ba nghiệp rộng khắp; Hai: Uy thế vượt lên trên thù thắng; Ba: Phước đức sâu rộng; Bốn-Tùy ý thọ sinh; năm: Tướng tốt đầy đủ trọn vẹn; Sáu: Nguyện thân thuyết giảng giáo pháp; Bảy: Hóa thân tự tại; Tám: Pháp thân rộng khắp; Chín: Trí thân đến cùng nguồn gốc của tánh tướng; Mười: Lực trì thân duy trì Y-Chánh của mình và người.

Một: Tức là riêng biệt hiển bày về tướng của thân Bồ-đề: Bởi vì

lúc thành tựu Bồ-đề, đạt được ba Luân thanh tịnh vô lượng. Trong văn phân hai: Trước là Pháp, sau là Dụ.

Trong phần trước là Pháp, có ba: Một là Y; Hai là Thân; Ba là Ngữ.

Một là Ý nghiệp, tức là giải thích về Thành Chánh Giác nói trên. Trước đây nói đối với tất cả các pháp, ở đây nói là ba đời, chính là không gian-thời gian (hoành-thụ) phỏng theo tóm lược mà thôi. Trí hòa vào bình đẳng là Chánh giác thành tựu, Trí tức là hai Trí-ba Trí-bốn Trí, Trí vô chướng ngại.

Hai Trí tức là Như Lý-Như Lượng. Ở đây lại có hai nghĩa: 1. Dùng Trí Như Lượng thông hiểu về Tục, gọi là tiến vào ba đời; dùng Trí Như Lý chứng đắc về Chân, gọi là tất cả bình đẳng. Vì vậy luận Phật Địa nói: “Dùng hai Trí hiểu rõ về hai Đế.” 2. Chứng tánh sai biệt tức là vốn không sai biệt, ba đời tức là bình đẳng. Luận Du Già nói: “Như Thắng nghĩa ấy hiểu rõ về các pháp, cho nên gọi là Đẳng Chánh Giác.”

Nói ba Trí, tức là Tục trí-Chân trí và Trung đạo trí. Ở đây cũng có hai nghĩa: 1. Chân-Tục cùng phai mờ, ngăn chặn cả hai phân rõ về Trung đạo, thì ba đời bình đẳng-hai tướng không còn, mới là Trí hòa vào nhau. 2. Chân và Tục tuy ngay trong nhau mà không làm hỏng tướng, thì cả hai soi chiếu trình bày về Trung đạo. Đây là hai Trí hiểu rõ cảnh của ba Đế. Cảnh đã cùng phai mờ mà cùng hiện rõ, Trí cũng vắng lặng soi chiếu mà cùng lưu chuyển, nghĩa là Trí vô chướng ngại, hiểu rõ cảnh vô chướng ngại là Chánh giác.

Nói bốn Trí, tức là bốn Trí như Đại Viên Cảnh..., bởi vì tất cả duyên với cảnh của ba đời, cho nên đều hòa vào ba đời.

Nói là Bình đẳng, bởi vì Đại Viên Cảnh Trí li xa phân biệt, cho nên dựa vào duy trì bình đẳng, Bình Đẳng Tánh Trí vốn chứng được tánh bình đẳng, Diệu Quan Sát Trí quán sát về bình đẳng, Thành Sở Tác Trí bình đẳng làm lợi ích khắp nơi. Bốn Trí viên dung một câu thâm nhiếp tất cả. Phần sau nói về Thân-Ngữ nghiệp... đều là do bốn Trí mà phát hiện, bởi vì bốn Trí viên dung không có hai tánh, mà Tu Sinh và Bốn Hữu không phải một-khác, không mất đi tông chỉ của kinh.

Nhưng chủ động giác ngộ trên đây tức là thành tựu Bồ-đề trên đây, dựa vào đó mà giác ngộ tức là Pháp thân, Lý-Trí không hai là Pháp thân chân thật.

Hai từ “Kỳ thân...” trở xuống là nói về Thân nghiệp: Bao gồm ba thế gian, cho nên nói là tất cả, bởi vì thân Chánh giác này là tổng quát của mười thân. Ở đây, thân ấy nối thông với ba thân-mười thân, tất cả

đều đầy đủ. Pháp thân có khắp mọi nơi, là nơi thế gian cùng nương tựa. Trí thân chứng Lý cho nên như Lý rộng khắp. Sắc thân vô ngại cũng giống như Lý rộng khắp. Đều là rộng khắp tròn vẹn mà không phải rộng khắp từng phần, nghĩa là tất cả thế gian nơi mỗi một mảy trần..., Phật đều đầy đủ trọn vẹn, nhìn tổng quát cũng hiện bày, nhìn riêng biệt cũng hiện bày. Lại quốc độ... tức là Ngã thân..., cho nên ngoài Thể của quốc độ... không có Ngã riêng biệt; Ngã tức là quốc độ..., cho nên ngoài Thể của Ngã không có quốc độ... Mỗi một thân còn lại dung hòa thấu nhiếp hưởng về lẫn nhau, giống như nhiều ánh đèn đều bao trùm lẫn nhau.

Ba từ “Kỳ âm...” trở xuống là nói về Ngũ nghiệp, thuận theo có ba nghĩa: 1. Thuận theo ngôn âm khác loại, kinh nói: “Pháp thuộc ngôn ngữ của tất cả chúng sinh, một lời diễn thuyết toàn bộ không còn sót.” 2. Thuận theo pháp thích hợp mà thuyết giảng, Như Lai từ trong một ngôn ngữ, diễn thuyết biến kế kinh vô biên. 3. Bởi vì thuận theo rộng khắp, Phật dùng một âm thanh vi diệu, quốc độ mười phương đều nghe thấy.

Phần sau từ “Thí như...” trở xuống là Dụ hiển bày. Bao gồm Dụ về ba nghiệp, nhưng ba nghiệp của Phật không phải Dụ có thể Dụ được, chỉ có Chân Như hư không sơ lược có thể hiển bày rõ ràng. Lại dùng Dụ khác thì trở thành phỉ báng Phật. Nhưng Dụ về hư không thì có giống nhau và không giống nhau, vì vậy văn sau kinh nói: “Hiểu rõ thân của Như Lai không phải như hư không, do tất cả diệu pháp mà viên mãn...” Đây là hiển bày về không giống nhau. Nay phân tích chọn lấy nghĩa giống nhau, nghĩa giống nhau có nhiều loại như phẩm Thập Nhẫn ở sau.

Nay có hai Dụ tách ra thành bốn nghĩa: Một: Dụ về bao hàm thấu nhiếp, bao gồm nghĩa vô phân biệt; Hai: Dụ về rộng khắp mọi nơi, bao gồm nghĩa hòa vào rộng khắp.

Dùng bốn Dụ này dụ cho Ý nghiệp, văn sau kinh nói: “Trí Phật rộng lớn giống như hư không.” Đây là Dụ tổng quát. Lượng Trí bao hàm mà rộng khắp mọi nơi, Lý Trí vô phân biệt mà chứng nhập. Và lại, Đại Viên Cảnh Trí hoàn toàn thanh tịnh, đầy đủ công đức, chủng tử hiện hành dựa vào duy trì, có thể hiện rõ, có thể sinh ra thân-độ phỏng theo Trí, tức là nghĩa về bao hàm thấu nhiếp. Văn sau kinh nói: “Trí Bồ-đề hiện bày khắp nơi Căn-Dục-Tâm niệm... của tất cả chúng sinh, mà không có gì hiện bày.” Nói không có gì hiện bày tức là không có phân biệt. Bình Đẳng Tánh Trí quán sát tự-tha hữu tình tất cả các pháp,

thấy đều bình đẳng cũng không có phân biệt. Nói không có phân biệt là hiển bày vốn không có sai biệt. Văn sau kinh nói: “Đối với tất cả các nghĩa vốn không có gì quan sát...” Chính là bởi vì Thái hư tự nhiên hàm chứa nhiều cảnh tượng, nhiều cảnh tượng không có thể hàm chứa Thái hư. Thái hư không phân biệt nhiều cảnh tượng, nhiều cảnh tượng chính là sai biệt. Thái hư là để ví như Ngã pháp không có thể tiếp nhận trí Phật, trí Phật mới có thể tiếp nhận Ngã pháp. Có Ngã pháp là phân biệt Như Lai, là Như Lai thì không phân biệt Ngã pháp. Hai: Trong Dụ về rộng khắp mọi nơi, Diệu Quan Sát Trí không có gì không nhận biết rộng khắp, tức là nghĩa về rộng khắp mọi nơi; Thành Sở Tác Trí trở lại thành tự không có gì sót, tức là nghĩa về tùy thuận hòa vào. Lại văn sau kinh nói: “Trí Phật rộng lớn giống như hư không, khắp nơi tâm của tất cả chúng sinh.” Đây tức là Thể rộng khắp của Trí. “Hiểu rõ các vọng tưởng của thế gian.” Đây là dựa theo Dụng rộng khắp của Trí. Lại nói: “Đạt được tâm sánh bằng tất cả pháp giới.” Đây là dựa theo Chứng rộng khắp. Tánh của Trí hoàn toàn giống như tánh của Sắc. Đây là dựa theo Lý rộng khắp. Vì sao hòa vào khắp nơi mà không làm hỏng chủ động-thụ động (năng-sở)? Bởi vì có chứng biết. Vì vậy văn sau kinh nói: “Các quốc độ ở thế gian, tất cả đều tùy theo hòa vào Trí thân không hề có Sắc, không phải nơi ấy mà có thể thấy, bởi vì tùy vào Như, tức là hòa vào mà không có gì hòa vào, cho nên nói là bình đẳng.” Vì vậy hư không rộng khắp hòa vào quốc độ, quốc độ không rộng khắp hòa vào hư không. Nơi có quốc độ, chắc chắn có hư không; nơi có hư không, có thể không có quốc độ. Hư không đối với quốc độ, bình đẳng tùy theo hòa vào; quốc độ đối với hư không, tự nhiên có nơi này-nơi kia. Hư không có thể dụ cho trí của Phật, quốc độ có thể dụ cho ba đời. Ba đời có nơi chốn, trí Phật chắc chắn ở trong đó. Trí Phật nhận biết nơi chốn, ba đời có thể không có Thể của ba đời. Trí Phật đối với ba đời, bình đẳng tùy theo hòa vào; ba đời đối với trí Phật, tự nhiên có trước-có sau. Đây hãy còn dựa theo không hai mà hai để nói vậy thôi. Nếu hai mà không hai, thì quốc độ-hư không-ba đời-trí Phật vốn cùng chung một tánh, đều hòa vào lẫn nhau, nêu ra một mà hoàn toàn thu nhận. Rộng khắp mọi nơi cũng như vậy. Ba thế gian viên dung, thì đoạn dứt lộ trình của ngôn từ suy nghĩ, cho nên gọi trí Phật là không thể nghĩ bàn.

Tiếp đến dùng hai Dụ để dụ cho Thân nghiệp: Một mảy lông hãy còn tiếp nhận toàn phần của pháp giới, chắc chắn hàm chứa nhiều cảnh tượng. Xuất hiện thân nghiệp, thì Dụ thứ hai nói: Ví như hư không rộng lớn, không phải Sắc mà có thể hiển bày rõ ràng tất cả các Sắc, nhưng

hư không ấy không hề có phân biệt, cũng không có hý luận. Hợp lại nói rằng: Thân của Như Lai cũng lại như vậy, các nghiệp-thiện căn của tất cả chúng sinh đều được thành tựu, tức là nghĩa hàm chứa thâm nhiếp; mà thân của Như Lai không hề có phân biệt, tức là nghĩa thứ hai. Thân Phật đầy khắp nơi pháp giới, tức là nghĩa rộng khắp mọi nơi. Lại nói: Ví như hư không rộng khắp đến nơi tất cả Sắc-không phải Sắc, không phải đến-không phải không đến; thân Như Lai cũng lại như vậy, rộng khắp tất cả các pháp-tất cả quốc độ..., tức là nghĩa rộng khắp mọi nơi; cũng không phải đến-không phải không đến, tức là nghĩa bình đẳng tùy theo hòa vào.

Tiếp đến dùng bốn nghĩa để dụ cho Ngũ nghiệp: Như Lai từ trong một ngôn ngữ, vốn đầy đủ tất cả ngôn ngữ, trống trời Đế Thích (Xá chi) vô tâm mà phát ra, âm thanh của Như Lai không có nơi nào không đến. Vì vậy nên biết, âm thanh của Như Lai không có đoạn tuyệt, mà hòa vào khắp nơi pháp giới. Lại nói: Âm thanh của Như Lai không có lệch lạc quanh co, tức là nghĩa bình đẳng; tùy theo sự tin hiểu mà làm cho hoan hỷ, tức là nghĩa tùy theo hòa vào. Dùng một Dụ về Không để dụ cho tất cả ba nghiệp, cho nên nói là Chánh giác đạt được ba Luân thanh tịnh vô lượng. Có văn bản rất rõ ràng chứ không phải là xuyên tạc. Trình bày về thân Bồ-đề, xong.

Hai: Từ “Thân hằng...” trở xuống là uy thế của thân vượt lên trên thù thắng, nghĩa là tùy theo sự ưa thích của các hữu tình, thị hiện thân-độ thọ dụng với hình ảnh cảnh tượng sai biệt, tất cả đều rộng khắp mọi nơi. Nói về tất cả đạo tràng, sơ lược có mười loại: 1-Trí thân an tọa khắp nơi Đạo tràng pháp tánh; 2-Pháp thân không an tọa mà an tọa nơi Đạo tràng.; 3-Thân pháp môn an tọa nơi Đạo tràng vạn hạnh; 4-Thân huyền hóa an tọa nơi Đạo tràng của thủy nguyệt. Bốn nghĩa này là phương tiện mà đưa ra. Nếu đích thực dựa theo uy thế của thân, thì tóm lược phân rõ về sáu loại đạo tràng: Một là Đạo tràng rộng khắp tất cả thế giới cùng loại, nói như ở phẩm Danh Hiệu... Hai là Đạo tràng rộng khắp tất cả thế giới khác loại, đó là thế giới hình dạng cây cối..., nói như phẩm Thế Giới Thành Tựu. Ba là Đạo tràng rộng khắp trong tất cả thế giới Chung. Bốn là Đạo tràng rộng khắp trong tất cả thế giới Hải. Hai loại này đều nói như ở phẩm Hoa Tạng. Năm là Đạo tràng rộng khắp trong tất cả vi trần, vẫn nói: “Như thấy Phật an tọa ở Hội này, trong tất cả vi trần cũng như vậy...” Sáu là vô lượng vô biên Đạo tràng như Đế võng vô tận, cùng với mười loại trước đây cho nên nói là tất cả.

Nói đến ánh sáng uy nghiêm rực rỡ giữa chúng Bồ-tát, là chính

thức hiển bày về uy thế siêu việt thù thắng, thù thắng hơn mọi điều thù thắng, cho nên chỉ nói đến Bồ-tát, ngoài ra tất cả đều siêu việt. Như vầng mặt trời xuất hiện chiếu sáng thế giới, dựa theo Dụ để hiển bày chiếu rọi núi cao mà mọc lên và lặn xuống chứ không có ẩn hiện. Khắp nơi đều hiện bày mà không có Thể khác nhau, dụ cho an tọa khắp nơi Đạo tràng. Ánh sáng to lớn tỏa giữa hư không, chiếu rọi vật khác làm cho phai mờ ánh sáng rực rỡ của vật khác, sự soi chiếu rộng lớn của mặt trời thì khó mà tận cùng ranh giới ấy, dụ cho ánh sáng uy nghiêm của Như Lai vượt lên trên chiếu rọi đến Bồ-tát, Bồ-tát không thể nào lường được. Đã nói là soi chiếu thế gian thì cuối cùng lợi ích cho người mù, trước hết soi chiếu núi cao thì chỉ nói đến Bồ-tát.

Ba: Từ “Tam thế...” trở xuống là thân phước đức sâu rộng: Đức của Phật trong ba đời xưa kia đều tu học tất cả, nay ba đời đã đoạn tập khí cấu trược đã không còn, cho nên các phước đức đều thanh tịnh.

Bốn: Từ “Nhi hăng...” trở xuống là tùy ý thọ sinh: 1. Tùy theo ý người khác mà thọ sinh khắp nơi; 2. Tùy theo ý mình có thể không có nơi nào không thọ sinh, nghĩa là Từ Bi và Bát-nhã luôn luôn tương ứng với nhau, cảm mà liên thông đến tận cùng thời gian vị lai.

Năm: Từ “Vô biên sắc...” trở xuống là tướng tốt trang nghiêm thân sắc vô tận, cho nên gọi là Sắc vô biên; tướng nhiều như số vi trần trong mười Liên Hoa Tạng, gọi là Tướng vô biên; mà đều phù hợp với Chân thì tất cả đều vô biên. Các tướng tốt tùy thuộc phát ra ánh sáng, ánh sáng thường xuyên đều phù hợp với pháp giới, cho nên nói là viên mãn. Nơi rộng lớn-nơi hạn hẹp đều hiện bày trọn vẹn, cho nên gọi là Vô sai biệt.

Sáu: Thuyết giảng tất cả các pháp, như vầng mây lớn rải ra, tức là Nguyên thân. Thuyết giảng giáo pháp, nghĩa là rưới làn mưa Đại pháp, đoạn trừ tất cả nghi ngờ. Vì vậy văn sau kinh nói: “Nguyên lực của Phật Tỳ-lô Giá-na, trong tất cả quốc độ khắp nơi pháp giới, luôn luôn chuyển Pháp luân Vô thượng.” Nhưng hai câu kinh thì trước là Pháp-sau là Dụ, văn hàm chứa nhiều ý: Một vầng mây dụ cho thân, rưới mưa dụ cho thuyết pháp, Pháp-Dụ phỏng theo tóm lược. Lại trước là dấy khởi vầng mây Từ Bi, sau là rưới làn mưa giáo pháp. Một vầng mây-một làn mưa mà thấm ướt không giống nhau, cũng thích ứng tùy theo căn cơ mà mây-mưa đều khác nhau, ngăn bụi bặm-che mặt trời, vô tâm bao phủ khắp nơi...

Bảy: Từ “Nhất nhất...” trở xuống là Hóa thân tự tại, nghĩa là đối với Đại chúng trong pháp hội có thể hiện bày vô biên tác dụng sai biệt

mà đều tự tại. Trong văn có hai: Trước là trình bày về tiếp nhận rộng lớn vô ngại, nghĩa là mỗi một đầu lông nơi thân Như Lai, tiếp nhận tất cả thế giới mà không có gì chướng ngại. Vô ngại có hai nghĩa: 1. Từ một mảy lông nhỏ bé hiện bày nhiều thế giới rộng lớn, là một-nhiều-lớn-nhỏ vô ngại; 2. Nhiều thế giới ở một mảy lông này, cùng với nhiều thế giới ở những mảy lông khác, đan xen nhau mà không lẫn tạp, là ẩn-hiện vô ngại. Sau từ “Các hiện...” trở xuống là rộng khắp mọi nơi, bởi vì tiếp nhận rộng lớn không trở ngại vốn là rộng khắp mọi nơi, cho nên vẫn từ giữa thế giới trong mảy lông trước đây, dùng thần lực mà điều phục chúng sinh. Nếu như mười phương rộng lớn khắp nơi, thì hiện các loại biến hóa của ba nghiệp mà thành tựu những việc làm, thì rõ ràng dễ hiểu.

Tám: Từ “Thân biến...” trở xuống là Pháp thân rộng khắp, dùng Pháp làm thân, xưa nay trong lạng rộng khắp cho nên không có gì qua lại. Dựa vào pháp mà hiện bày sắc, vẫn như Pháp thân ở nơi này tức là ở nơi kia, cũng không cần phải qua lại.

Chín: Từ “Trí nhập...” trở xuống là Trí thân đến cùng nguồn gốc của tánh tướng, tướng khác nhau nói là nhiều (Chư), tánh đều rỗng rang vắng lặng; tánh lặng yên vốn là Tịch, tướng không có vốn là Không.

Mười: Từ “Tam thế chư Phật...” trở xuống là Lực trì thân, có thể duy trì Y-Chánh của mình và người, trong đó: Trước là duy trì Chánh báo, Thân nghĩa là Diệu trí, Biến nghĩa là Hiện thân. Chuyển biến-biến hiện cùng gọi là Biến, đều có thể duy trì. Hãy còn duy trì đối với người khác, hướng là đối với sự việc của mình. Đoạn sau cũng như vậy. Sau từ “Nhất thiết Phật độ...” trở xuống là có thể duy trì Y báo, không gian thì toàn bộ các quốc độ, thời gian thì tận cùng các đời kiếp, sự việc trang nghiêm vốn có luôn luôn duy trì làm cho hiện rõ.

Trên đây là dựa theo mười thân. Nếu dựa theo ba thân, thì ba đoạn đầu đều gọi là Báo thân, từ “Nhi hăng...” trở xuống là Hóa thân, từ “Thân biến thập phương...” trở xuống là Pháp thân.

Ngay trong Báo thân, một đoạn trước là Báo thuộc Tự thọ dụng, hai đoạn sau tức là Báo thuộc Tha thọ dụng, cho nên nói là ở giữa chúng Bồ-tát.

Bởi vì trong các giáo nói về ba thân-bốn thân, khác nhau về Thành tựu-Thuyết giảng... Nay đều viên dung, đối với một mới thành (Thủ thành) thì tất cả đều lập tức đầy đủ mười thân làm chính, bao gồm nghĩa về ba thân-bốn thân. Lại điều phục chúng sinh trong mảy lông, duy trì thế giới trong ánh sáng, như hư không rộng khắp mọi nơi...; cũng

tức là mười thân như quốc độ..., viên dung trong ba thế gian, lẽ nào Báo-Hóa nói là sai khác hay sao? Vì vậy biết rằng, sơ lược dùng mười đức để ca ngợi đối với Giáo Chủ, mỗi một đức ấy không có gì không viên dung, là không còn suy nghĩ theo tình thức.

